

# TĂNG CƯỜNG KHẢ NĂNG ỨNG KHẨU TRONG VIỆC DẠY KỸ NĂNG NÓI CHO NGƯỜI HỌC TIẾNG ANH

## ENHANCING ENGLISH IMPROMPTU SPEAKING SKILLS FOR EFL LEARNERS

NGUYỄN BÍCH DIỆU

(ThS; Đại học Ngoại ngữ, Đại học Đà Nẵng)

**Abstract:** The paper is delivered to underscore the role of the speaking skill in language study and to reveal some limitations of the current teaching and learning of this skill, specifically at University of Foreign Language Studies, the University of Da Nang. Constructive suggestions are also put forward for the teachers on how to promote the students' oral performance, particularly their impromptu speaking ability, which will be of great benefit to their future careers.

**Key words:** impromptu speaking; speaking skill; organizational patterns; fluency markers; PREP method.

1. Vai trò của ứng khẩu trong học ngoại ngữ

Ứng khẩu là một dạng nói rất phổ biến trong mọi tình huống hằng ngày, đó có thể là một cuộc phỏng vấn, điện thoại hay trò chuyện với khách hàng và đồng nghiệp. Theo Engleberg và Raimes (2004), ở hình thức ứng khẩu, người nói sẽ có rất ít hoặc hầu như không có thời gian để chuẩn bị, chẳng hạn một học viên có thể được gọi và yêu cầu trình bày ý kiến, trả lời một câu hỏi bất kì hay một người đại diện được mời phát biểu tại một cuộc họp hoặc các buổi lễ tiệc.

Vào năm 1964, Gobrecht đã sớm chỉ ra rằng, khả năng giao tiếp ứng khẩu là thước đo khá chính xác trình độ ngoại ngữ của người học bởi nắm bắt được kĩ năng này sẽ mang lại lợi ích thiết thực cho việc học tiếng Anh của họ và nhiều tình huống trong công việc tương lai. Đồng quan điểm với tác giả trên, Fredricks (2005) cũng khẳng định thêm rằng việc rèn luyện khả năng ứng khẩu rất có lợi và cần thiết đối với người học vì nó giúp họ biết cách sắp xếp các ý tưởng trong đầu và đồng thời hạn chế sự rụt rè khi giao tiếp. Ngoài ra, khả năng ứng khẩu hiệu quả còn giúp người học phát triển kĩ năng trình bày những suy nghĩ của mình một cách logic, nhạy bén và tự tin hơn, thêm vào đó, các khả năng giao tiếp và lãnh đạo cũng tiến bộ theo.

Sau này, Henderson (1982) cũng đã khẳng định thêm rằng, các việc ứng khẩu dường như đôi lúc đã bị quên lãng trong việc dạy kĩ năng

nói cho người học tiếng Anh chẳng hạn như kĩ năng sắp xếp và phát triển các ý tưởng. Đây chính là các yếu tố giúp tăng cường khả năng giao tiếp hiệu quả ở tất cả các cấp độ và mang lại sự tự tin cho người học ngoại ngữ. Chính vì vậy, ứng khẩu đóng vai trò quan trọng trong việc củng cố khả năng nói tiếng Anh nhằm đảm bảo tính lưu loát và độ chính xác của kĩ năng này.

2. Nâng cao khả năng ứng khẩu của sinh viên trong học ngoại ngữ

### 2.1. Thực trạng

1) Hiện nay, nhiều sinh viên khi học ngoại ngữ còn thụ động trong việc học tiếng Anh và đặc biệt là kĩ năng nói. Điều này có thể nhận thấy từ cấp học phổ thông, học sinh thường không có thói quen tự do trao đổi trong giờ học ngoại ngữ và thậm chí tỏ ra khá dè dặt khi phải đứng nói trước lớp. Mặt khác, việc luyện tập kĩ năng nói lại hoàn toàn khác so với những kĩ năng ngoại ngữ còn lại bởi nó đòi hỏi người học phải có tư duy độc lập và không nên lệ thuộc quá nhiều vào người dạy. Chính vì vậy, thực tế cho thấy, nhiều sinh viên đạt kết quả tốt trong các kĩ năng nghe, đọc, viết và ngữ pháp nhưng vẫn cảm thấy không tự tin với khả năng giao tiếp của mình.

2) Việc dạy và luyện tập kĩ năng ứng khẩu hiện nay vẫn còn rất hạn chế bởi phần lớn thời gian ở lớp là dành cho việc dạy ngữ pháp, ngữ âm và từ vựng cần phải ghi nhớ.

Một trong số hình thức khá phổ biến ở các lớp dạy nói hiện nay là giảng viên thường giao

nhệm vụ cho sinh viên chuẩn bị các ý tưởng và tự học phần từ vựng về các chủ đề liên quan cần thảo luận cho tiết học kế tiếp. Bên cạnh đó, hình thức kiểm tra đánh giá ở đây là một số giáo viên sẽ kiểm tra việc soạn bài ở nhà của sinh viên, hoặc đặt câu hỏi yêu cầu sinh viên trả lời, hay hình thức tổ chức sinh viên làm các bài thuyết trình, thảo luận theo nhóm để cho điểm. Điều này đã tạo một động lực lớn để sinh viên luôn ý thức về trách nhiệm đối với bộ môn được học. Chính vì có sự chuẩn bị bài trước nên sinh viên luôn tự tin khi trình bày các chủ đề và trả lời các câu hỏi trên lớp.

Ngay cả trong kiểm tra và thi cử cũng vậy. Chẳng hạn, đối với kì thi giữa kì, để tránh ảnh hưởng đến tiến độ của phân phối chương trình, phần lớn các giảng viên đều cho điểm trong quá trình dạy dựa trên những câu trả lời hoặc những bài thuyết trình đã được chuẩn bị sẵn ở nhà của sinh viên. Đối với kì thi cuối kì sinh viên cũng có thời gian để chuẩn bị cho phần trình bày về chủ đề được đưa ra và trả lời câu hỏi từ giảng viên hoặc một sinh viên cùng lớp được ghép cặp. Các chủ đề câu hỏi là khá quen thuộc và nằm trong khuôn khổ giáo trình nói mà họ đã được cho thảo luận tại lớp.

## 2.2. Một số đề xuất nhằm tăng cường khả năng ứng khẩu của sinh viên

Có thể nói, việc dạy cho sinh viên làm sao có thể phát âm đúng, sử dụng từ vựng ngữ pháp phù hợp khi nói đã khó, giúp họ rèn luyện kĩ năng ứng khẩu lại càng là một thử thách lớn cho các giảng viên.

### Thứ nhất, một số kĩ năng cần thiết trong ứng khẩu

#### a. Lập dàn ý nhanh (Organizational patterns)

Một trong những vấn đề sinh viên thường gặp phải là, khi được yêu cầu trả lời tức thời về một chủ đề bất kì nào đó thì họ dường như loay hoay không biết bắt đầu từ đâu, sắp xếp trình tự các ý theo kiểu nào cho phù hợp dẫn đến lúng túng, vòng vo (beat about the bush) ngập ngừng và thậm chí không biết nên kết thúc ra sao. Từ thực trạng này, việc cung cấp cho người học những cách sắp xếp ý là rất cần thiết. Dưới đây là một vài đề xuất cơ bản giúp sinh viên có định hướng khi trình bày một vấn đề nào đó, tuy

nhien những phương pháp dưới đây không hẳn là tối ưu tất cả bởi mỗi giảng viên, sinh viên có thể xây dựng cho riêng mình những phương pháp phù hợp khác.

- Phương pháp PREP (*PREP Method*): khi trình bày 1 quan điểm, đề thông tin hay thuyết phục ai đó, cần thực hiện các bước như: 1/*Point* (Đưa ra luận điểm chính của người nói; (phần mở đầu); 2/*Reason* (Nêu ra lí do cho luận điểm nói trên; phần thân); 3/*Example* (Minh họa cho luận điểm trên); 4/*Point* (Kết nối phần kết luận với luận điểm ở phần mở đầu).

- Phương pháp trình bày Quá khứ, Hiện tại, Tương lai (*Past, Present, Future Method*): 1/*Point* (Trình bày ngắn gọn luận điểm của mình; phần mở đầu); 2/*Past* (Tái hiện lại sự việc ở quá khứ); 3/*Present* (Hiện tại những gì đang diễn ra); 4/*Future* (Điều gì sẽ / có thể xảy ra trong tương lai); 5/*Point* (Kết luận).

- Phương pháp tự đặt những câu hỏi: Ai, Cái gì, Như / Bằng cách nào, Khi nào, Ở đâu (*Who, What, How, When, Where*)

Các phương pháp khác: 1/Nguyên nhân, Kết quả, Cách giải quyết (*Cause, Effect, Remedy*); 2/Trước và trong khi sự việc diễn ra, kết quả (*Before, The Event, The Result*); 3/ Phạm vi từ địa phương cho đến toàn quốc (*Local, State, Federal*); 4/Tốt, Xấu, Không quan tâm (*Good, Bad, Indifferent*)

Nắm được những phương pháp này, sinh viên có thể lựa chọn một dàn ý phù hợp, phát triển ý tưởng và làm chủ được bài nói của mình. Ngoài ra, cũng dựa trên phương pháp này, một hoạt động nói khác có thể được xây dựng nhằm hạn chế việc sinh viên chuẩn bị bài sẵn ở nhà để lên lớp trả bài theo kiểu học vẹt hoặc đối phó. Chẳng hạn, giảng viên đưa ra một chủ đề cụ thể nào đó và yêu cầu sinh viên bốc thăm một trong những phương pháp nói trên. Trong trường hợp này, sinh viên buộc phải sắp xếp các ý tưởng, từ vựng, cú pháp câu mặc dù được chuẩn bị trước ở nhà theo một cách khác và như vậy sẽ dần dần tăng khả năng tư duy và kĩ năng ứng khẩu của họ.

b. *Sử dụng fluency markers là những cụm từ sẽ giúp cho người nói trở nên lưu loát và tự nhiên hơn*: Sinh viên thường có thói quen trả lời

ngập ngừng hay lặng một lúc lâu rồi mới trả lời câu hỏi hoặc hay ngắt quãng trong phần trình bày của mình. Điều này sẽ càng khiến người nói mất tự tin và thậm chí không muốn trình bày tiếp hoặc đứng im lặng bỏ cuộc. Ngoài ra, số sinh viên có khả năng nói tốt hơn nhưng mỗi lần giao tiếp thường rất máy móc, thiếu sự linh hoạt. Từ đó cho thấy, những fluency markers có thể kéo dài thời gian để người nói có thể sắp xếp các ý trước khi tiếp tục trả lời mà có thể giấu đi sự ngập ngừng. Một vài ví dụ tiêu biểu fluency markers thường được dùng để ứng khẩu nhanh: *To be honest* (dùng khi người nói muốn nói ra những suy nghĩ thật của mình); *I'm afraid* (dùng để nói với đó một cách lịch sự về một việc gây khó chịu hoặc đáng thất vọng); *Well, actually* (dùng để nói những gì thực sự xảy ra, là thật); *Well, I suppose* (dùng khi nói về một điều gì đó mà người nói cho là đúng mặc dù họ không chắc chắn về điều đó); *I mean* (dùng khi giải thích hoặc đưa ra một ví dụ cho một luận điểm nào đó); ...and so on (dùng sau phần liệt kê); v.v..

*Thứ hai, tổ chức các hoạt động khác trong lớp học*

- Việc sinh viên chuẩn bị bài trước ở nhà luôn được đánh giá cao. Tuy nhiên, để hạn chế trường hợp sinh viên đọc hoặc học vẹt những gì chuẩn bị mà thiếu đi khả năng tư duy trong lúc nói, giảng viên cần có sự điều chỉnh câu hỏi nhưng vẫn trên cơ sở nội dung giáo trình của tổ bộ môn.

- Hoạt động làm việc theo cặp hoặc theo nhóm có thể phát huy hiệu quả trong khả năng ứng khẩu. Giảng viên yêu cầu sinh viên hỏi và trả lời hoặc trình bày ý tưởng với một hay vài thành viên trong nhóm. Sau đó, sinh viên sẽ phải trình bày lại câu trả lời của một thành viên khác của nhóm mình trước lớp. Bằng cách này, sinh viên sẽ không phụ thuộc quá nhiều vào phần bài soạn trước.

- Tạo ra những tình huống cụ thể và yêu cầu sinh viên tham gia giải quyết các tình huống bằng cách đóng kịch. Hoạt động này khiến sinh viên phải ứng xử thật nhanh để đạt được một mục đích giao tiếp nào đó và sẽ giúp cho họ hình thành được khả năng phản xạ nhạy bén và linh hoạt.

Bên cạnh một số đề xuất về những hoạt động trong giờ học, một vài trò chơi được lồng ghép vào đầu giờ hoặc cuối giờ nên được tận dụng để sinh viên tập luyện khả năng ứng khẩu. Những trò chơi nhỏ dưới đây sẽ không làm mất quá nhiều thời gian của bài giảng và cũng góp phần tạo không khí sôi nổi cho lớp học. Ví dụ:

- Kể chuyện: Hình thức lớp học có thể được chia thành 4 nhóm, trong đó nhóm đầu tiên sẽ đọc phần mở đầu câu chuyện (do giảng viên soạn), sau đó 1 thành viên khác của nhóm đó sẽ tiếp tục câu chuyện trong khoảng 1 phút và các nhóm khác tương tự phát triển tiếp cốt truyện. Giảng viên có thể chọn phần mở đầu câu chuyện dựa trên chủ đề của bài học ngày hôm đó.

- Chọn ra những đồ vật hoặc hình ảnh có liên quan đến chủ đề bài học và yêu cầu sinh viên đưa ra những định nghĩa hoặc lời giải thích để người kia có thể đoán được.

### 3. Kết luận

Trong việc học ngoại ngữ, điều quan trọng nhất là khả năng ứng dụng ngôn ngữ đó mà hình thức ứng khẩu là một trong những kĩ năng cơ bản và hiệu quả cần được đầu tư và phát triển đối với người học.

Bài báo nêu ra một số thực trạng trong việc dạy và học kĩ năng nói để không chỉ bản thân người làm công tác giảng dạy mà cả sinh viên thêm một lần nữa nhìn nhận nghiêm túc hơn về cách dạy và học đối với bộ môn này. Đồng thời qua đó, bài viết đề xuất một số hướng rèn luyện kĩ năng nói với hi vọng góp phần vào việc cải tiến phương pháp giảng dạy tiếng Anh nói chung và đặc biệt là tăng cường khả năng ứng khẩu cho sinh viên nói riêng.

### TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Gobrecht, E. A. (1964), *A method of teaching impromptu speaking to foreign students*. The speech teacher, 13(4), 288-292.
2. Fredricks, S. M. (2005), *Teaching impromptu speaking: A pictorial approach*. Communication teacher, 19(3), 75-79.
3. Henderson, D. (1982), *Impromptu speaking as a tool to improve non-native speakers' fluency in English*. JALT Journal, 4, 75-87.